

# THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

*(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0104089394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2009 và thay đổi lần thứ 14 ngày 10/11/2017)*

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội

Điện thoại: 0243.3765503

Fax: 0243.3765504

Website: <http://cpc1hn.com.vn>

### **Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Tạ Thị Hải Huyền

Điện thoại: 0243.3765.503

Chức vụ: Nhân viên phòng Tổ chức hành chính

Fax: 0243.3165504



## MỤC LỤC

|           |  |          |
|-----------|--|----------|
| <b>I.</b> | <b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG</b> .....   | <b>2</b> |
| 1.        | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....   | 2        |
| 1.1.      | Thông tin chung .....  | 2        |
| 1.2.      | Quá trình hình thành và phát triển.....  | 3        |
| 1.3.      | Quá trình tăng vốn của Công ty .....   | 5        |
| 2.        | Cơ cấu tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....  | 8        |
| 2.1.      | Cơ cấu tổ chức.....  | 8        |
| 2.2.      | Cơ cấu Bộ máy quản lý Công ty .....  | 8        |
| 3.        | Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông .....  | 10       |
| 3.1.      | Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty.....   | 10       |
| 3.2.      | Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ .....  | 11       |
| 3.3.      | Cơ cấu cổ đông.....  | 11       |
| 4.        | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty/tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty..... | 12       |
|           | Không có.....  | 12       |
| 5.        | Hoạt động kinh doanh .....   | 12       |
| 5.1.      | Hoạt động kinh doanh chính .....   | 12       |
| 5.2.      | Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty .....   | 13       |
| 5.3.      | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ .....  | 14       |
| 5.4.      | Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....   | 15       |
| 6.        | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất .....   | 16       |
| 7.        | Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....   | 17       |
| 7.1.      | Vị thế của Công ty trong ngành .....   | 17       |
| 7.2.      | Triển vọng phát triển của ngành.....   | 18       |
| 8.        | Chính sách đối với người lao động .....  | 18       |
| 8.1.      | Số lượng người lao động trong Công ty.....   | 18       |
| 8.2.      | Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp .....  | 19       |
| 9.        | Chính sách trả cổ tức .....  | 20       |

|             |   |           |
|-------------|---|-----------|
| 10.         | Tình hình tài chính .....   | 20        |
| 10.1.       | Trích khấu hao tài sản cố định .....  | 20        |
| 10.2.       | Thanh toán các khoản nợ đến hạn .....   | 20        |
| 10.3.       | Các khoản phải nộp theo luật định .....   | 21        |
| 10.4.       | Trích lập các quỹ theo luật định .....  | 22        |
| 10.5.       | Dư nợ vay .....   | 22        |
| 10.6.       | Tình hình công nợ .....   | 23        |
| a.          | Tình hình nợ phải thu .....   | 23        |
| b.          | Tình hình nợ phải trả .....   | 24        |
| 10.7.       | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....  | 25        |
| 11.         | Tài sản .....   | 25        |
| 12.         | Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 .....   | 27        |
| 12.1.       | Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 .....   | 27        |
| 12.2.       | Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....   | 27        |
| 13.         | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...) ..... | 29        |
| 14.         | Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh .....   | 29        |
| 15.         | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty .....   | 29        |
| <b>II.</b>  | <b>QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>   | <b>29</b> |
| 1.          | Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị .....   | 29        |
| 1.1.        | Danh sách thành viên Hội đồng quản trị .....  | 29        |
| 1.2.        | Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị .....   | 29        |
| 2.          | Ban kiểm soát .....   | 35        |
| 2.1.        | Danh sách thành viên Ban kiểm soát .....  | 35        |
| 2.2.        | Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát .....   | 35        |
| 3.          | Ban Tổng Giám đốc .....   | 39        |
| 3.1.        | Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc .....  | 39        |
| 3.2.        | Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý .....   | 39        |
| 4.          | Kế hoạch tăng cường quản trị công ty .....  | 42        |
| <b>III.</b> | <b>PHỤ LỤC .....</b>  | <b>43</b> |

193  
 67  
 PH  
 3 P  
 1 H

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

|  |    |
|--|----|
| Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Công ty .....   | 6  |
| Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2019 ..... | 11 |
| Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019 .....   | 12 |
| Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty .....   | 14 |
| Bảng 5: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty .....   | 14 |
| Bảng 6: Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh .....                                 | 15 |
| Bảng 7: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....  | 16 |
| Bảng 8: Quy mô và cơ cấu lao động của Công ty .....  | 18 |
| Bảng 9: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước .....  | 21 |
| Bảng 10: Số dư các quỹ của Công ty .....   | 22 |
| Bảng 11: Chi tiết các khoản vay .....  | 22 |
| Bảng 12: Các khoản phải thu của Công ty .....  | 23 |
| Bảng 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty .....   | 24 |
| Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....  | 25 |
| Bảng 15: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang .....   | 25 |
| Bảng 16: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 .....                        | 26 |
| Bảng 17: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 .....                                       | 27 |

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|                                   |                                       |
|-----------------------------------|---------------------------------------|
| Công ty/CPC1 Hà Nội               | Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội |
| Tổ chức đăng ký/Tổ chức phát hành | Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội |
| CTCP                              | Công ty Cổ phần                       |
| CP                                | Cổ phần/Cổ phiếu                      |
| HĐQT                              | Hội đồng quản trị                     |
| BKS                               | Ban Kiểm soát                         |
| VĐL                               | Vốn điều lệ                           |
| ĐHĐCĐ                             | Đại hội đồng cổ đông                  |
| UBCKNN                            | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước           |
| SXKD                              | Sản xuất kinh doanh                   |
| HĐKD                              | Hoạt động kinh doanh                  |
| VCSH                              | Vốn chủ sở hữu                        |
| HĐSXKD                            | Hoạt động sản xuất kinh doanh         |
| ĐKGD                              | Đăng ký giao dịch                     |
| TP.                               | Thành phố                             |
| TPCN                              | Thực phẩm chức năng                   |
| TSCĐ                              | Tài sản cố định                       |
| TW                                | Trung ương                            |

## I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Thông tin chung

- **Tên tiếng Việt:** Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
- **Tên tiếng Anh:** Ha Noi CPC1 Pharmaceutical Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CPC1 HN.,JSC
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 0243.3765503
- Fax: 0243.3765504
- Website: <http://cpc1hn.com.vn>
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2009 và thay đổi lần thứ 14 ngày 10/11/2017.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nam Thắng – Chủ tịch HĐQT Công ty
- Logo:



- Vốn điều lệ đăng ký: 121.717.820.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 121.717.820.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
  - + Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc (Chính));
  - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
  - + Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
  - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
  - + Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;

- + Quảng cáo; Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
  - + Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
  - + Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
  - + Kinh doanh bất động sản; Doanh nghiệp bán buôn thuốc, bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
  - + Doanh nghiệp bán thuốc; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;
  - + Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ thành lập doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp;
  - + Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
  - + Bán lẻ kính mắt, kính thuốc;
  - + Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường siêu vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác;
  - + Buôn bán vacxin, sinh phẩm y tế; Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Bán buôn chế phẩm diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, thức ăn chăn nuôi;
  - + Dịch vụ nhập khẩu ủy thác;
  - + Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Đại diện thương nhân; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
  - + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ, khoa học y khoa.
- Ngày trở thành công ty đại chúng: Ngày 12/06/2015 (theo công văn số 3148/UBCK-QLPH ngày 12/06/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

## 1.2. Giới thiệu chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Mã chứng khoán: DTP
- Giấy nhận chứng nhận đăng ký chứng khoán: Số 04/2020/GCNCP-VSD ngày 06/01/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 12.171.782 cổ phiếu.
- Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của tổ chức ĐKGD: 0 cổ phiếu.
- Giới hạn về tỷ lệ sở hữu đối với người nước ngoài:

Theo Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán:

*“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:*

*a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế.*

*b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%...”*

Theo đó, giới hạn tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty là 49%.

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2019, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%.

### **1.3. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103039694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2009 với vốn điều lệ ban đầu là 2 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập là Công ty Dược phẩm Trung Ương 1, bà Nguyễn Thị Hà và ông Vũ Văn Hà. Hiện nay, Công ty CP Dược phẩm Trung Ương 1 và ông Vũ Văn Hà vẫn còn sở hữu cổ phần của Công ty với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 16,43% và 0,43% vốn điều lệ hiện tại.



Ngày 22/03/2010, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp mã số doanh nghiệp mới: 0104089394 (chuyển đổi từ số 0103039694) và cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 với vốn điều lệ mới là 50 tỷ đồng.

Ngày 18/11/2013, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 07 với vốn điều lệ mới là 91.717.820.000 đồng.

Ngày 16/6/2014, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 với vốn điều lệ mới là 101.717.820.000 đồng.

Ngày 12/05/2016, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 với vốn điều lệ mới là 121.717.820.000 đồng.

Sau hơn 10 năm xây dựng và hoạt động, bằng những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và dưới sự điều hành của Ban lãnh đạo, Công ty đã có những bước phát triển vượt bậc, khẳng định được tên tuổi và vị thế của mình trong lĩnh vực Dược phẩm.

Với mục tiêu tạo ra các sản phẩm thuộc với chất lượng tốt, an toàn, tiện lợi cho bệnh nhân và nhân viên y tế, Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội đã đầu tư xây dựng Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP – WHO với số tiền đầu tư gần 300 tỷ đồng, tổng diện tích xây dựng hơn 30.000 m<sup>2</sup> – tại địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội.

Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội từ hào là đơn vị sử dụng các dây chuyền máy móc sản xuất hiện đại nhất hiện nay như: dây chuyền sản xuất tiêm ống nhựa công nghệ BFS, dây chuyền sản xuất viên nang mềm, dây chuyền sản xuất chai xịt vô nhôm.

#### 1.4. Quá trình tăng vốn của Công ty

Quá trình tăng vốn của Công ty kể từ khi thành lập như sau:

**Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Công ty**

| Lần | Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Vốn điều lệ tăng thêm (nghìn đồng) | Vốn điều lệ sau phát hành (nghìn đồng) | Hình thức phát hành  | Cơ sở pháp lý   |
|-----|------------------------------------|------------------------------------|--|--|---|
| 1   | 05/08/2009                         |                                    | 2.000.000                              | Góp vốn thành lập công ty  | - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103039694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/8/2009   |
| 2   | Tháng 03/2010                      | 48.000.000                         | 50.000.000                             | Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu:<br>+ Số lượng CP phát hành: 4.800.000 CP;<br>+ Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần;<br>+ Giá phát hành: 10.000 đ/cổ phần. | - Quyết định số 01/2010/QĐ-CPC1 ngày 16/03/2010 của Đại hội đồng cổ đông về việc tăng vốn điều lệ;<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 thay đổi lần 1 ngày 22/03/2010 |
| 3   | Tháng 11/2013                      | 41.717.820                         | 91.717.820                             | Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu:<br>+ Số lượng CP phát hành: 4.171.782 CP;<br>+ Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần;<br>+ Giá phát hành: 10.000 đ/cổ phần. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 771/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/11/2013 về việc triển khai Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty.<br>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 thay                |

|   |                     |            |             |   |  |
|---|---------------------|------------|-------------|---|--|
|   |                     |            |             |   | đổi lần thứ 07<br>ngày 18/11/2013  |
| 4 | Tháng<br>6/2014     | 10.000.000 | 101.717.820 | Phát hành cổ phần<br>cho các cổ đông<br>hiện hữu:<br>+ Số lượng CP<br>phát hành:<br>1.000.000 CP;<br>+ Mệnh giá:<br>10.000 đ/cổ phần<br>+ Giá phát hành:<br>11.000 đ/cổ phần.           | - Nghị quyết<br>ĐHĐCĐ số<br>174/2014/QN-<br>CPC1HN ngày<br>16/4/2014 về việc<br>thông qua phương<br>án phát hành cổ<br>phiếu tăng vốn<br>điều lệ Công ty;<br>- Giấy chứng<br>nhận đăng ký<br>doanh nghiệp số<br>0104089394 thay<br>đổi lần thứ 8 ngày<br>16/6/2014 |
| 5 | Tháng<br>5/2016 (*) | 20.000.000 | 121.717.820 | Phát hành cổ phần<br>cho các cổ đông<br>hiện hữu và<br>CBCNV:<br>+ Số lượng CP<br>phát hành:<br>2.000.000 CP;<br>+ Mệnh giá:<br>10.000 đ/cổ phần<br>+ Giá phát hành:<br>11.000đ/cổ phần | - Nghị quyết<br>ĐHĐCĐ số<br>436/2016/NQ-<br>CPC1HN ngày<br>04/4/2016 về việc<br>phát hành cổ phần<br>chào bán cho cổ<br>đông hiện hữu<br>của Công ty;<br>- Giấy chứng<br>nhận đăng ký<br>doanh nghiệp số<br>0104089394 thay<br>đổi lần 13 ngày<br>12/05/2016       |

Nguồn: CPC1 Hà Nội

(\*) Tại lần tăng vốn thứ 5, do tháng 6/2015 Công ty mới được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng nên chưa nắm rõ được các quy định đối với công ty đại chúng, vì vậy Công ty đã thực hiện đợt phát hành này khi chưa xin phép UBCKNN. Theo văn bản số 1613/UBCK-TT ngày 13/3/2019 của UBCKNN về việc vi phạm nghĩa vụ công

ty đại chúng, căn cứ các quy định của pháp luật thì Công ty sẽ phải thu hồi cổ phiếu đã chào bán và phải hoàn trả tiền cho nhà đầu tư nếu nhà đầu tư gửi yêu cầu trong vòng 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành.

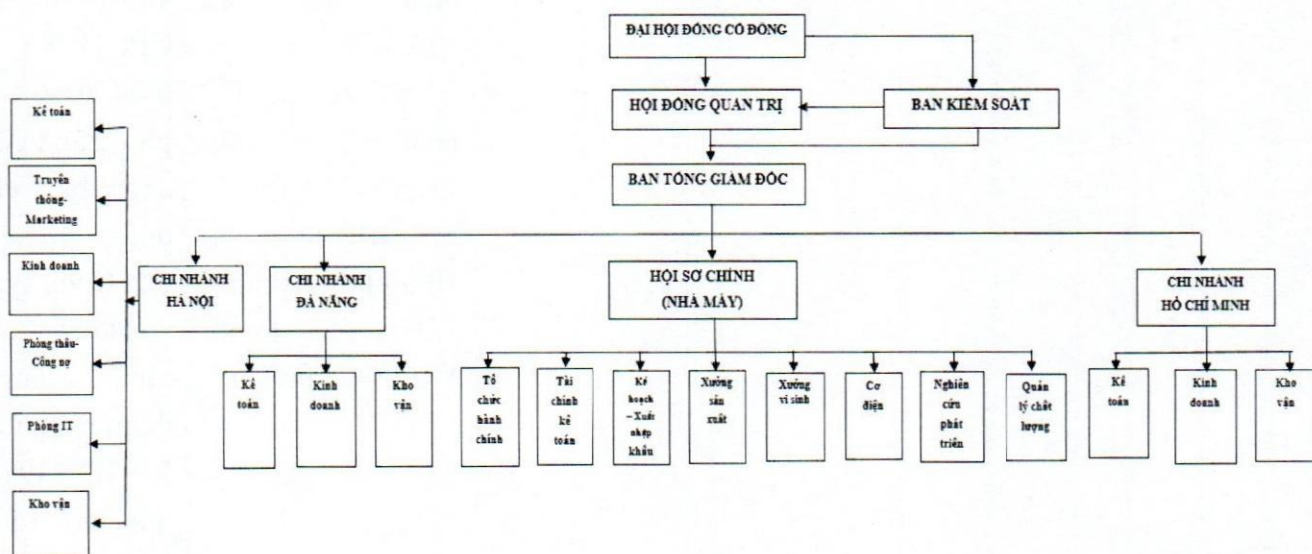
Do đó, ngày 15/3/2019, Công ty đã gửi văn bản số 1613/UBCK-TT ngày 13/3/2019 cho các nhà đầu tư mua cổ phiếu của đợt tăng vốn này, và các nhà đầu tư không có yêu cầu Công ty hoàn trả lại số tiền đã đầu tư. Ngày 28/11/2019, các nhà đầu tư này đã có văn bản xác nhận với Công ty và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) về việc cam kết không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền mua cổ phiếu và tiền lãi suất tính trên số tiền đã đầu tư tương ứng với số cổ phiếu đã mua trong đợt phát hành trên.

## 2. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

### 2.1. Cơ cấu tổ chức

Hiện tại, Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình tổ chức này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Điều lệ, pháp luật.

Sơ đồ: Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty



Nguồn: Công ty CPC1 Hà Nội

### 2.2. Cơ cấu Bộ máy quản lý Công ty

- **Đại Hội đồng Cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng thường niên hoặc bất thường. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định, ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty và tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:**

Do ĐHĐCĐ bầu ra, quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành của Công ty.

- **Ban Kiểm soát:**

Kiểm tra hoạt động tài chính của công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế nội bộ của Công ty, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty.

- **Ban Tổng Giám đốc:**

Có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- **Phòng Tổ chức hành chính:**

Thực hiện công tác nhân sự, đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách cho người lao động và công tác hành chính, phục vụ.

- **Phòng Tài chính Kế toán:**

Có nhiệm vụ thực hiện công tác kế toán của Công ty, đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư, phát triển của Công ty, giúp Công ty giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính và kế toán.

- **Phòng Kế hoạch – Xuất nhập khẩu:**

Có chức năng lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển thị trường và tìm kiếm nguồn hàng hóa cho Công ty; Quản lý kho nguyên vật liệu, hàng hóa cho công ty.

- **Xưởng sản xuất:**

Thực hiện sản xuất các sản phẩm theo kế hoạch sản xuất đưa ra theo đúng thông tin sản phẩm, quy trình sản xuất của Công ty, đảm bảo cung ứng đủ hàng hóa kịp thời và chất lượng

- **Xưởng Vi sinh:**

Nghiên cứu, sản xuất nguyên liệu, thành phẩm sinh phẩm đáp ứng kế hoạch sản xuất của Công ty.

- **Cơ điện:**

Thực hiện chức năng quản lý kỹ thuật, giám sát và thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng, vận hành các thiết bị, máy móc, tài sản do Ban Tổng giám đốc phân quyền.

- **Phòng Nghiên cứu Phát triển:**

Thực hiện việc nghiên cứu, phát triển ra các sản phẩm mới phù hợp, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm với chi phí hợp lý để đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng.

- **Phòng Quản lý chất lượng:**

Có chức năng tham mưu, tư vấn cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý chất lượng hệ thống của Công ty theo tiêu chuẩn, tổ chức thử nghiệm, kiểm định sản phẩm theo quy định.

- **Các chi nhánh trực thuộc Công ty:**

Bao gồm: Chi nhánh Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

Việc sắp xếp các bộ phận phòng ban tại các chi nhánh được bố trí theo kế hoạch kinh doanh của Công ty theo từng thời kỳ. Ngoài ra các chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện định hướng chiến lược và đảm bảo hoàn thiện các kế hoạch kinh doanh mà Công ty đã đề ra

### 3. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông**

#### 3.1. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty**

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2019**

| STT | Tên cổ đông                          | Số CMT/Hộ chiếu/ Giấy CNĐKDN | Địa chỉ  | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ % trên VDL thực góp |
|-----|--------------------------------------|------------------------------|--|-------------------------|---------------------------|
| 1   | Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1 | 0100108536                   | 87 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội           | 2.000.000               | 16,43%                    |
| 2   | Lê Thị Kim Ánh                       | 011329629                    | 48A Ngõ 134 Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội | 2.092.500               | 17,19%                    |
| 3   | Nguyễn Tiến Lung                     | 010008233                    | Phòng 513/ A2 khu tập thể Thành Công, Ba Đình, Hà Nội    | 1.000.000               | 8,22%                     |
| 4   | Lê Nam Thắng                         | 011663647                    | Số 11 ngách 49/6 Hoàng Đạo Thành, Thanh Xuân, Hà Nội     | 1.125.566               | 9,25%                     |
| 5   | Nguyễn Thanh Bình                    | B3379689                     | Số 4 BT4 X2 Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội      | 2.294.000               | 18,85%                    |
| 6   | Phùng Thanh Hương                    | 011805382                    | C8 phòng 12 Tập thể Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội            | 1.248.000               | 10,25%                    |
|     | <b>Tổng</b>                          |                              |  | <b>9.760.066</b>        | <b>80,19%</b>             |

*Nguồn: CPC1 Hà Nội*

### 3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty được thành lập từ năm 2009, do đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đến nay các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời hạn.

### 3.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019

| TT               | Loại cổ đông              | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần  | Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|------------------|---------------------------|------------------|-------------------|---|-----------------------------------|
| <b>1</b>         | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>120</b>       | <b>12.171.782</b> | <b>121.717.820.000</b>                    | <b>100,00%</b>                    |
| 1.1              | Tổ chức                   | 01               | 2.000.000         | 20.000.000.000                            | 16,43%                            |
| 1.2              | Cá nhân                   | 119              | 10.171.782        | 101.717.820.000                           | 83,57%                            |
| <b>2</b>         | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>0</b>         | <b>0</b>          | <b>0</b>                                  | <b>0%</b>                         |
| 2.1              | Tổ chức                   | 0                | 0                 | 0   | 0%                                |
| 2.2              | Cá nhân                   | 0                | 0                 | 0   | 0%                                |
| <b>3</b>         | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       |                  | <b>0</b>          | <b>0</b>                                  | <b>0%</b>                         |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>120</b>       | <b>12.171.782</b> | <b>121.717.820.000</b>                    | <b>100,00%</b>                    |

Nguồn: CPC1 Hà Nội

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty/tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

Không có

## 5. Hoạt động kinh doanh

### 5.1. Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của CPC1 Hà Nội là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Đây là hoạt động cốt lõi đem về doanh thu, lợi nhuận chủ yếu cho CPC1 Hà Nội.

Công ty có trên 100 loại sản phẩm khác nhau, chia thành 2 nhóm chính: thuốc và thực phẩm chức năng. Cụ thể:

- Thuốc: Công ty có nhiều dây chuyền sản xuất thuốc hiện đại như:
  - Thuốc tiêm: Gồm rất nhiều mặt hàng thuốc tiêm, bao gồm cả các mặt hàng phổ thông như nước cất ống nhựa, thuốc tiêm Adrenalin, Noradrenalin, đến các thuốc tiêm thuộc nhóm thuốc hiếm đáp ứng nhu cầu điều trị cấp cứu như thuốc tiêm Digoxin, thuốc tiêm Propranolol, thuốc tiêm Adenosin...
  - Thuốc khí dung: Zensalbu, Zensonid, Nebusal, Zencombi...
  - Thuốc nhỏ mắt: Moxieye, Q-mumasa, Lacieye, Hylaform, Dexamoxi...
  - Thuốc nang mềm: Lyodura, Denesity, Enzicoba



- Thuốc xịt: VNP spray baby, mucome,
- Thuốc kem gel: tinefin, trinolon...
- Thuốc ống uống: Fogyma, Conipa, Eucol, Dismolan, Duchat...

Sản phẩm luôn giữ được chất lượng tốt, giá cả hợp lý nên được nhiều người chấp nhận, sử dụng. Kết quả tiêu thụ tại các cửa hàng chuyên doanh năm sau luôn cao hơn năm trước.

- Thực phẩm chức năng: các loại thực phẩm chức năng làm đẹp da, bổ sung vitamin, khoáng chất.... Chất lượng tốt, giá cả hợp lý, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Tiêu biểu có thể kể đến là các sản phẩm:

- TPCN dạng lỏng: Novothym, Zentokid, Beejuvit
- TPCN dạng viên nang mềm: Novofe, Novodia, Fast paloma

*Một số hình ảnh về sản phẩm của Công ty:*

|   |  |   |
|---|--|---|
|   |    |   |
| <p><i>Gel rửa tay khô</i></p>   | <p><i>Sản phẩm Zensonid</i></p>  | <p><i>Sản phẩm Fogyma</i></p>   |
|  |  |  |
| <p><i>Sản phẩm Nebusal</i></p>  | <p><i>Sản phẩm Noradrenalin</i></p>  | <p><i>Nước cắt ống nhựa</i></p>   |

## 5.2. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

| Chi tiêu                                     | Năm 2018        |                     | Năm 2019        |                     | % tăng<br>với năm<br>2018 | Giá trị<br>trọng<br>TỶ<br>trọng<br>/DTT | Giá trị<br>trọng<br>TỶ<br>trọng<br>/DTT |
|--|-----------------|---------------------|-----------------|---------------------|---------------------------|---|---|
|  | Giá trị         | TỶ<br>trọng<br>/DTT | Giá trị         | TỶ<br>trọng<br>/DTT |                           |   |   |
| Lợi nhuận góp<br>bán hàng hóa,<br>thành phẩm | 129.758.021.978 | 48,68%              | 238.340.049.793 | 53,65%              | 83,68%                    | 70.455.616.384                          | 51,67%                                  |
| Lợi nhuận góp<br>cung cấp dịch               | 5.313.510.741   | 1,99%               | 6.003.845.959   | 1,35%               | 12,99%                    | 1.153.611.992                           | 0,85%                                   |

Đơn vị: đồng

Bảng 5: Cơ cấu Lợi nhuận góp của Công ty

### 5.3. Lợi nhuận góp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong năm 2019, doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm tăng 69,2% so với năm 2018 do công ty đã áp dụng các chiến lược kinh doanh phù hợp, thúc đẩy các kênh bán hàng mới như OTC (Kênh bán các loại thuốc không cần kê đơn, phân phối cho các nhà thuốc) và kết hợp với các công tác viên.

Quý I/2020, doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm đạt hơn 134 tỷ đồng, tăng hơn 52 tỷ đồng, tương ứng với tăng 63,81% so với cùng kỳ năm 2019, do nhu cầu về dược phẩm tăng trước tình hình dịch bệnh Covid 19.

Trong khi đó, doanh thu thuần cung cấp dịch vụ của Công ty đến từ hoạt động cho doanh vị thuê mặt bằng làm kho để thuốc, văn phòng, làm dịch vụ ủy thác nhập khẩu và

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý I/2020 từ lập của CPC1 Hà Nội

| Chi tiêu                              | Năm 2018        |             | Năm 2019        |             | Giá trị<br>trọng<br>TỶ<br>trọng | Giá trị<br>trọng<br>TỶ<br>trọng |
|---------------------------------------|-----------------|-------------|-----------------|-------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                                       | Giá trị         | TỶ<br>trọng | Giá trị         | TỶ<br>trọng |                                 |                                 |
| Doanh thu bán hàng<br>hóa, thành phẩm | 256.096.673.832 | 96,07%      | 433.309.221.951 | 97,54%      | 134.148.523.233                 | 98,38%                          |
| Doanh thu cung cấp<br>dịch vụ         | 10.478.079.882  | 3,93%       | 10.936.575.803  | 2,46%       | 2.209.847.164                   | 1,62%                           |
| Doanh thu thuần                       | 266.574.753.714 | 100%        | 444.245.797.754 | 100%        | 136.358.370.397                 | 100%                            |

Đơn vị: đồng

Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty

Năm 2019, chi phí tài chính tăng do công ty tăng khoản vay ngắn hạn và trung hạn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh và đầu tư dây chuyền sản xuất. Bên cạnh đó, năm 2019, công ty áp dụng các chính sách kích cầu bán hàng như đẩy mạnh hoạt động marketing để quảng bá hình ảnh sản phẩm đến với người tiêu dùng, đẩy mạnh chi phí tư vấn hoạt động bán hàng theo từng địa bàn, khu vực; áp dụng các chính sách về quản lý nhân sự như tăng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi cho người lao động.... Do đó, chi phí bán hàng, chi phí QLDN đều tăng so với năm 2018. Tuy nhiên, năm 2019 cũng ghi nhận sự tăng trưởng mạnh về doanh thu thuần so với năm 2018, do đó tỷ trọng giá vốn hàng bán và tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần năm 2019 đều giảm so với năm 2018.

Tỷ trọng chi phí sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần của Công ty trong năm 2018 và 2019 đều duy trì ổn định ở mức hơn 75%.

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý I/2020 từ tập của CPC1 Hà Nội

| Chi tiêu            | Năm 2018               |               | Năm 2019               |               | Quý I/2020            |               |
|---------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|-----------------------|---------------|
|                     | Giá trị (đồng)         | Tỷ trọng /DTT | Giá trị (đồng)         | Tỷ trọng /DTT | Giá trị (đồng)        | Tỷ trọng /DTT |
| Giá vốn hàng bán    | 131.503.220.995        | 49,33%        | 199.901.902.002        | 45,00%        | 64.749.142.021        | 47,48%        |
| Chi phí tài chính   | 8.927.989.630          | 3,35%         | 12.046.401.034         | 2,71%         | 3.304.302.394         | 2,42%         |
| Chi phí bán hàng    | 32.261.793.826         | 12,10%        | 86.785.099.815         | 19,54%        | 23.680.098.439        | 17,37%        |
| Chi phí QLDN        | 28.309.464.542         | 10,62%        | 32.746.929.794         | 7,37%         | 4.742.068.637         | 3,48%         |
| Chi phí khác        | 128.946.196            | 0,05%         | 2.747.251.427          | 0,62%         | 636.049.891           | 0,47%         |
| <b>Tổng chi phí</b> | <b>201.131.415.189</b> | <b>75,45%</b> | <b>334.227.584.072</b> | <b>75,23%</b> | <b>97.111.661.382</b> | <b>71,22%</b> |

Đơn vị: đồng

Bảng 6: Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

5.4. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý I/2020 từ tập của CPC1 Hà Nội

| Vị | Tổng   |
|----|--|
|    | 135.071.532.719 50,67% 244.343.895.752 55,00% 80,90% 71.609.228.376 52,52% |



Tổng chi phí Quý I/2020 là hơn 97 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 71,22% so với doanh thu thuần. Tỷ trọng này tăng so với cùng kỳ năm 2019, do việc tăng tỷ trọng chi phí bán hàng và tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần. Tuy nhiên, tỷ trọng chi phí QLDN trên doanh thu thuần lại giảm từ 7,61% trong Quý 1/2019 xuống còn 3,47% trong Quý 1/2020.

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

**Bảng 7: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu                                | Năm 2018        | Năm 2019        | % tăng giảm so với năm 2018 | Quý I/2020      |
|---|-----------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| Tổng tài sản                            | 330.582.567.169 | 497.876.856.391 | 50,61%                      | 528.751.174.116 |
| Vốn chủ sở hữu                          | 197.336.759.210 | 280.165.752.889 | 41,97%                      | 314.639.525.913 |
| Doanh thu thuần                         | 266.574.753.714 | 444.245.797.754 | 66,65%                      | 136.358.370.397 |
| Lợi nhuận gộp                           | 135.071.532.719 | 244.343.895.752 | 80,90%                      | 71.609.228.376  |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 65.810.885.943  | 114.568.355.503 | 74,09%                      | 39.998.790.507  |
| Lợi nhuận khác                          | 80.285.508      | (1.908.831.181) | -2.477,55%                  | (491.273.691)   |
| Lợi nhuận trước thuế                    | 65.891.171.451  | 112.659.524.322 | 70,98%                      | 39.507.516.816  |
| Lợi nhuận sau thuế                      | 61.144.819.565  | 93.012.125.657  | 52,12%                      | 34.473.773.024  |
| Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)         | 16.213          | 23.018          | 41,97%                      | 25.850          |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý I/2020 tự lập của CPC1 Hà Nội

Lưu ý: Ngày 07/06/2019, cơ quan thuế đã ban hành Biên bản thanh tra thuế, trong đó yêu cầu Công ty phải nộp thêm thuế TNDN và thuế GTGT cho năm 2018 với tổng số tiền là 4.951.402.860 đồng. Khi lập BCTC năm 2019, Ban Tổng giám đốc đánh giá số thuế TNDN và thuế GTGT phải nộp bổ sung nêu trên không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2019, do đó, Ban Tổng giám đốc quyết định ghi nhận các khoản thuế này vào khoản mục “Chi phí khác” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành” trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 với số tiền lần lượt là 44.438.000 đồng và 4.906.964.860 đồng, thay vì điều chỉnh hồi tố số liệu năm trước.

Năm 2019 tiếp tục là một năm đầy khó khăn với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty trong ngành Dược nói riêng. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến của thị trường nhằm đưa ra các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và kiểm soát chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các bước đi được thực hiện một cách cẩn trọng và được điều chỉnh dựa trên tình hình kinh tế vĩ mô cũng như nội tại của Công ty.

Hiện nay trên địa bàn Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung có rất nhiều các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh Dược phẩm. Tuy nhiên, với sự uy tín trên thị trường cùng với việc đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống máy móc hiện đại phục vụ cho sản xuất, không ngừng cải tiến công nghệ, Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội tự hào là đơn vị sử dụng các dây chuyền sản xuất hiện đại nhất hiện nay, đáp ứng mục tiêu cung cấp các sản phẩm thuốc đạt chất lượng tốt, an toàn và hiệu quả.

Do đó, kết quả kinh doanh của Công ty từ năm 2018 đến nay đều có sự tăng trưởng đáng kể, trong đó, năm 2019 doanh thu thuần tăng hơn 177,67 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 66,65% và lợi nhuận sau thuế tăng hơn 31,8 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 52,12% so với năm 2018. Đồng thời, Quý 1/2020, doanh thu thuần tăng hơn 51,7 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 61,08% và lợi nhuận sau thuế tăng hơn 4,6 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 15,62% so với cùng kỳ năm 2019.

## **7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **7.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Sau hơn 10 năm xây dựng và hoạt động, bằng những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và các định hướng mang tính chiến lược, phù hợp với xu thế phát triển của Ban lãnh đạo, Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội đã có những bước phát triển vượt bậc, khẳng định được tên tuổi và vị thế của mình trong lĩnh vực Dược phẩm.

Với mục tiêu tạo ra các sản phẩm thuốc với chất lượng tốt, an toàn, tiện lợi cho bệnh nhân và nhân viên y tế, Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội đã đầu tư xây dựng Nhà máy tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương đạt tiêu chuẩn GMP – WHO với số tiền đầu tư gần 300 tỷ đồng, tổng diện tích xây dựng hơn 30.000 m<sup>2</sup>. Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội tự hào là đơn vị sử dụng các dây chuyền máy móc sản xuất hiện đại nhất hiện nay như: dây chuyền sản xuất thuốc tiêm ống nhựa, công nghệ BFS, dây chuyền sản xuất viên nang mềm, dây chuyền sản xuất chai xịt vỏ nhôm.

Công ty đã có những dự án phối hợp nghiên cứu với các bộ, ban ngành như dự án “Hoàn thiện quy trình sản xuất thuốc tiêm Palonosetron, Carbetocin và thuốc khí dung Budesonid quy mô công nghiệp sử dụng công nghệ BFS (Blow-Fill-Seal)” thực hiện với

Bộ Khoa học và Công nghệ; Dự án “Sản xuất sinh khối probiotic từ vi khuẩn Bifidobacterium sử dụng trong công nghiệp thực phẩm và dược phẩm” thực hiện với Bộ Công thương. Dự án” Hoàn thiện quy trình sản xuất 04 loại thuốc nhỏ mắt cho người dạng hỗn dịch fluorometholon; fluorometholon kết hợp neomycin; loteprenol etabonat và nepafenac ứng dụng công nghệ BFS” thực hiện với Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

## 7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Mặc dù xu hướng chuyển dịch từ sử dụng thuốc ngoại sang thuốc nội đang tăng, nhưng ngành dược tại Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với những khó khăn nhất định. Đó là sự gia nhập ồ ạt của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài vào khâu sản xuất tại Việt Nam. Mức độ cạnh tranh trong thị trường dược những năm tới được đánh giá sẽ diễn ra khốc liệt hơn trên hầu hết các phân khúc thị trường.

Tiếp đó là thị trường dược Việt Nam vẫn còn bị đánh giá chưa ổn định do nguyên liệu sản xuất phụ thuộc quá lớn vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài, khoảng 90% và chủ yếu từ Trung Quốc và Ấn Độ. Việc phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu khiến ngành dược dễ chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như biến động tỷ giá hay những cú sốc về nguồn hàng cung cấp; cộng thêm chi phí nhập khẩu khiến giá thành sản xuất thuốc của Việt Nam cao hơn khoảng 20-25% so với Trung Quốc, Ấn Độ.

Những yếu tố trên dẫn tới khả năng cạnh tranh của dược phẩm Việt Nam đối với các nước trong khu vực và trên thế giới rất hạn chế.

Tuy nhiên, công nghiệp Dược Việt Nam cũng đang có cơ hội rất lớn bởi thị trường dược phẩm trong nước là thị trường tăng trưởng mạnh nhất khu vực châu Á. Ở Việt Nam có 220 nhà máy đạt chuẩn WHO-GMP tính đến ngày 21/9/2018 theo số liệu cập nhật của Cục Quản lý dược – Bộ Y tế, trong đó có Công ty. Với nền tảng đó, mục tiêu ngành dược đặt ra là: Đến năm 2020, đảm bảo 100% nhu cầu thuốc cho chăm sóc sức khỏe nhân dân; Công nghiệp dược trong nước đáp ứng 80% nhu cầu thuốc thành phẩm và 20% nguyên liệu làm thuốc; Chất lượng thuốc sẽ được nâng cao với 40% thuốc generic đăng ký được thử sinh khả dụng (BA) và tương đương sinh học (BE).

Mặt khác, dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp vào cuối năm 2019 và năm 2020 vừa là thách thức, nhưng cũng là cơ hội lớn cho Công ty khẳng định được tên tuổi của mình trong ngành dược, cũng như tăng doanh thu do nhu cầu về sản phẩm y tế tăng cao.

## 8. Chính sách đối với người lao động

### 8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Quy mô và cơ cấu lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

#### **Bảng 8: Quy mô và cơ cấu lao động của Công ty**

| Tiêu chí  | Số lượng   | Tỉ trọng    |
|---|------------|-------------|
|   | (người)    | (%)         |
| <b>1. Phân theo trình độ lao động</b>                         | <b>678</b> | <b>100%</b> |
| - Trình độ Đại học và trên đại học                            | 309        | 46%         |
| - Trình độ cao đẳng   | 136        | 20%         |
| - Trình độ trung cấp, công nhân kỹ thuật                      | 115        | 17%         |
| - Lao động phổ thông  | 118        | 17%         |
| <b>2. Phân theo loại hợp đồng lao động</b>                    | <b>678</b> | <b>100%</b> |
| - HĐLĐ không thời hạn   | 12         | 2%          |
| - HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng          | 493        | 73%         |
| - HĐLĐ theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 12 tháng | 173        | 25%         |
| <b>3. Phân theo giới tính</b>                                 | <b>678</b> | <b>100%</b> |
| - Nam   | 292        | 43%         |
| - Nữ  | 386        | 57%         |

Nguồn: CPC1 Hà Nội

## 8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

### • Chính sách đào tạo:

Công ty luôn coi trọng công tác phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, xem đó là điều kiện tiên quyết để ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Xác định rõ vai trò tiên quyết của nguồn nhân lực, Công ty luôn đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, giữ gìn và quảng bá hình ảnh, thương hiệu, thu hút nhân tài vào làm việc, góp phần phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh và đóng góp cho xã hội.

Hằng năm, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, Công ty cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nghiệp vụ, các kỹ năng cần thiết nhằm đảm bảo đáp ứng được yêu cầu, nâng cao hiệu quả công việc. Công ty cũng tổ chức các cuộc thi về nghiệp vụ chuyên môn để đánh giá, phân loại cán bộ từ đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả...

### • Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi của Công ty gắn liền với kết quả kinh doanh, chuyên môn và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên, song vẫn luôn đảm bảo thu

nhập của CBNV có tính cạnh tranh đối với các đơn vị cùng ngành nghề. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động như Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, bảo hiểm tai nạn con người,... Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chế độ khen thưởng nhân dịp các ngày lễ, Tết tùy theo kết quả kinh doanh.

Thu nhập bình quân của người lao động của Công ty trong năm 2019 là: 10.800.000 đồng/tháng.

## 9. Chính sách trả cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo.

Công ty đã chia cổ tức năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 5% vào tháng 6/2019 và cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 8% dự kiến chi trả vào tháng 9 năm 2020.

## 10. Tình hình tài chính

### 10.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 45/2013/TT-BTC, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

- |                          |           |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc: | 10-45 năm |
| - Máy móc thiết bị:      | 4-15 năm  |
| - Phương tiện vận tải:   | 6-10 năm  |
| - Tài sản cố định khác:  | 8-12 năm. |

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 45 năm.

### 10.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ nợ phải trả. Tại thời điểm lập bản thông tin tóm tắt này, Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn.





**10.3. Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn cố gắng tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước, thực hiện nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định và theo quyết định của thanh tra thuế (\*\*). Trong đó, một số loại thuế chính như sau:

**a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xuất khẩu thuộc, thực phẩm chức năng: 0%
- Hoạt động bán thuốc tân dược: 5%
- Hoạt động bán thực phẩm chức năng: 10%

**b. Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**c. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty đáp ứng điều kiện được miễn, giảm và ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/05/2007 của Chính phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ do là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, theo giấy chứng nhận số 44/DNKHCN ngày 19/07/2018.

Công ty được áp dụng mức thuế suất TNDN là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm 2018, được miễn thuế TNDN trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, theo quy định tại Khoản 1, khoản 6 Điều 15, Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 20/05/2019 của Chính phủ.

Theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019, Doanh nghiệp khoa học và công nghệ không được ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với năm tài chính không đáp ứng được điều kiện về doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của doanh nghiệp. Năm 2019, tỷ lệ doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ là 45,01% trên tổng doanh thu, do đó, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**Bảng 9: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| Chỉ tiêu     | 31/12/2018     | 31/12/2019     | 31/03/2020     |
|--------------|----------------|----------------|----------------|
| Vay ngắn hạn | 57.577.941.451 | 88.041.602.011 | 82.265.661.977 |

Đơn vị: triệu đồng

**Bảng 11: Chi tiết các khoản vay**

**10.5. Dư nợ vay**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý I/2020 từ lập của CPCI Hà Nội

| Chỉ tiêu                  | 31/12/2018    | 31/12/2019     | 31/03/2020     |
|---------------------------|---------------|----------------|----------------|
| Quý khen thưởng, phúc lợi | 830.874.000   | 3.813.214.978  | 3.761.064.978  |
| Quý đầu tư phát triển     | 3.344.557.000 | 19.466.901.891 | 19.466.901.891 |

Đơn vị: đồng

**Bảng 10: Số dư các quỹ của Công ty**

quyết định DHDGD và các quy định pháp luật.

Việc trích lập quỹ hàng năm của Công ty được tuân thủ theo Điều lệ công ty, Nghị

**10.4. Trích lập các quỹ theo luật định**

thanh tra thuế.

là 4.951.402.860 đồng. Công ty đã thực hiện nộp bổ sung đầy đủ theo quyết định của yêu cầu Công ty phải nộp thêm thuế TNDN và thuế GTGT cho năm 2018 với tổng số tiền (\*\* ) Ngày 07/06/2019, cơ quan thuế đã ban hành Biên bản thanh tra thuế, trong đó

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý I/2020 từ lập của CPCI Hà Nội

| Chỉ tiêu                               | 31/12/2018           | 31/12/2019           | 31/03/2020           |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế Giá trị gia tăng                  | 324.274.709          | -                    | -                    |
| Thuế xuất khẩu, nhập khẩu              | -                    | (554.640)            | (38.278.131)         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 3.460.237.673        | 4.638.695.783        | 6.282.439.575        |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 211.022.348          | 1.074.770.994        | 128.305.485          |
| Tiền thuế đất                          | (1.563.805.078)      | (543.932.200)        | (239.721.994)        |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 19.389.028           | -                    | -                    |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>2.469.118.680</b> | <b>5.168.979.937</b> | <b>6.132.744.935</b> |

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu                           | 31/12/2018      | 31/12/2019      | 31/03/2020      |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn        | 100.625.419,735 | 127.404.827,838 | 158.283.926,153 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 80.413.198,160  | 116.268.706,051 | 143.905.837,343 |
| Trả trước cho người bán            | 12.238.394,110  | 7.453.808,474   | 7.952.414,711   |
| Các khoản phải thu khác            | 7.973.827,465   | 3.818.029,214   | 6.561.390,000   |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -               | (135.715,901)   | (135.715,901)   |
| Các khoản phải thu dài hạn         | 862.252,228     | 1.932.009,209   | 1.948.081,793   |

Đơn vị: Triệu đồng

Bảng 12: Các khoản phải thu của Công ty

a. Tình hình nợ phải thu

10.6. Tình hình công nợ

đồng sản xuất kinh doanh.

Năm 2019, Công ty tăng cường các khoản vay bổ sung vốn lưu động để phục vụ việc mở rộng hoạt động kinh doanh và đã đầu tư hệ thống dây chuyền máy móc, cụ thể tháng 6/2019 công ty đã đưa dây chuyền công nghệ BFS trị giá hơn 90 tỷ đồng vào hoạt

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý I/2020 tự lập của CPC1 Hà Nội

| Tổng cộng   | 82.396.450,451        | 143.594.019,011        | 138.850.578,977        |
|---|-----------------------|------------------------|------------------------|
| - Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan (Thành viên HĐQT và các cá nhân khác) | 26.048.044,000        | 57.348.360,000         | 54.598.360,000         |
| - Vay ngắn hạn Ngân hàng  | 22.343.805,451        | 3.668.808,011          | 4.175.867,977          |
| - Vay ngắn hạn các cá nhân khác   | 1.300.000,000         | 11.258.342,000         | 7.725.342,000          |
| - Vay dài hạn đến hạn trả   | 7.886.092,000         | 15.766.092,000         | 15.766.092,000         |
| <b>Vay dài hạn</b>  | <b>24.818.509,000</b> | <b>55.552.417,000</b>  | <b>56.584.917,000</b>  |
| - Ngân hàng TMCP A Châu - Phòng Giao dịch Times City                            | 24.357.509,000        | 55.397.417,000         | 55.397.417,000         |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai                     | 461.000,000           | 155.000,000            | 1.187.500,000          |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>82.396.450,451</b> | <b>143.594.019,011</b> | <b>138.850.578,977</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý I/2020 từ lập của CPCI Hà Nội

Tại ngày 31/12/2019, khoản phải trả người lao động hơn 25,6 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2018 là do công ty đã trích lập dự phòng tiền lương cho năm 2020 là 10.680.392.158 đồng. Các khoản chi phí lương tháng 12, thưởng kết quả kinh doanh năm

| Chỉ tiêu                            | 31/12/2018             | 31/12/2019             | 31/3/2020              |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>               | <b>132.775.784.518</b> | <b>216.399.103.502</b> | <b>212.799.648.203</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>               | <b>107.859.775.518</b> | <b>160.784.186.502</b> | <b>156.153.231.203</b> |
| Vay và nợ ngắn hạn                  | 57.577.941.451         | 88.041.602.011         | 82.265.661.977         |
| Phải trả cho người bán              | 29.330.481.783         | 28.339.762.744         | 36.615.131.726         |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 6.057.465.842          | 4.239.491.659          | 4.375.054.492          |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 4.032.923.758          | 5.713.466.777          | 6.410.745.060          |
| Phải trả người lao động             | 7.702.904.779          | 25.607.274.222         | 13.749.556.698         |
| Chi phí phải trả                    | 673.020.222            | 2.326.228.688          | 2.617.523.432          |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác    | 1.563.663.683          | 2.687.395.423          | 6.351.742.840          |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn   | 90.500.000             | 15.750.000             | 6.750.000              |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi            | 830.874.000            | 3.813.214.978          | 3.761.064.978          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>               | <b>24.916.009.000</b>  | <b>55.614.917.000</b>  | <b>56.646.417.000</b>  |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn    | 24.818.509.000         | 55.552.417.000         | 56.584.917.000         |
| Phải trả dài hạn khác               | 97.500.000             | 62.500.000             | 61.500.000             |

Đơn vị: đồng

Bảng 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty

b. Tình hình nợ phải trả

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý I/2020 từ lập của CPCI Hà Nội

| Chỉ tiêu              | 31/12/2018             | 31/12/2019             | 31/03/2020             |
|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu dài hạn khác | 862.252.228            | 1.932.009.209          | 1.948.081.793          |
| <b>Tổng cộng</b>      | <b>101.487.671.963</b> | <b>129.336.837.047</b> | <b>160.232.007.946</b> |

2019... với tổng số dư nợ phải trả là 14.926.882.064 đồng đã được công ty chi trả hết cho người lao động trong tháng 1 và tháng 2 năm 2020 theo đúng quy định đã ban hành.

### 10.7. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Các chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|-------------|----------|----------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                     |             |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>(= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)            | Lần         | 1,38     | 1,46     |
| Hệ số thanh toán nhanh:<br>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | Lần         | 1,00     | 0,90     |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                              |             |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | %           | 40,16    | 43,46    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                       | %           | 67,12    | 76,88    |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                      |             |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ   | Lần         | 3,54     | 3,08     |
| Vòng quay tổng tài sản:<br>Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ    | Lần         | 0,85     | 1,07     |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                       |             |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                      | %           | 22,94    | 20,94    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân             | %           | 35,84    | 38,96    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân               | %           | 19,50    | 22,45    |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần       | %           | 24,69    | 25,79    |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 của CPC1 Hà Nội

### 11. Tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí mua sắm tài sản cố định.

**Bảng 15: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các khoản vay ngân hàng của Công ty được bảo đảm bằng những tài sản thuộc sở hữu của Công ty gồm bất động sản tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, Minh thủ của các đơn vị khác.

Hiện tại, Chi nhánh Hà Nội của Công ty đang thuê văn phòng của CTCP Dược phẩm Trung ương CPC1 và trả tiền hàng năm. Chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh Hồ Chí Minh thủ của các đơn vị khác.

(\*) Khoản mục nhà cửa vật kiến trúc của Công ty chính là trụ sở chính và cũng là nhà máy sản xuất, bao gồm đất đai và các nhà xưởng, kho bãi trên đất tại địa chỉ Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội.

(\*\*) TSCĐ vô hình của Công ty là quyền khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật tại trụ sở chính (quyền sử dụng đất), hiện đang được thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng.

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CPC1 Hà Nội

| Kh khoản mục                   | Nguyên giá             | Giá trị còn lại        | Tỷ lệ GTCL/NG |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|---------------|
| I. TSCĐ hữu hình               | 315.914.023.518        | 236.636.113.230        | 74,91%        |
| Nhà cửa vật kiến trúc (*)      | 87.963.878.893         | 72.858.211.698         | 82,83%        |
| Máy móc, thiết bị              | 208.269.756.218        | 151.997.940.823        | 72,98%        |
| Phong tiền văn tài, truyền dẫn | 8.271.075.726          | 5.710.586.988          | 69,04%        |
| TSCĐ hữu hình khác             | 11.409.312.681         | 6.069.373.721          | 53,20%        |
| II. TSCĐ vô hình (**)          | 20.260.434.763         | 16.661.631.404         | 82,24%        |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b>336.174.458.281</b> | <b>253.297.744.634</b> | <b>75,35%</b> |

Đơn vị: đồng

Bảng 16: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2019

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CPC1 Hà Nội

| Kh khoản mục                  | Năm 2018      | Năm 2019        |
|-------------------------------|---------------|-----------------|
| Số đầu năm                    | -             | 1.423.400.000   |
| Chi phí phát sinh trong năm   | 1.423.400.000 | 1.459.200.000   |
| Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | -             | (2.262.600.000) |
| Số cuối năm                   | 1.423.400.000 | 620.000.000     |

Đơn vị: đồng

huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota biển số 30E-340.70; Máy sản xuất thuốc tiêm công nghệ BFS và khuôn nắp; Hệ thống máy BFS 460 bao gồm hệ thống thổi, rót, hàn thuốc nhỏ mắt và ống tiêm nhựa loại 1ml và 5ml công nghệ vô khuẩn... và các linh kiện phụ kiện đồng bộ kèm theo; và 02 ô tô con 07 chỗ nhãn hiệu Isuzu, số loại MU-X.

## 12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020

### 12.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020

**Bảng 17: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020**

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2019        | Năm 2020        |                             |
|--|-----------------|-----------------|-----------------------------|
|  | Thực hiện       | Kế hoạch        | % tăng giảm so với năm 2019 |
| Vốn điều lệ (đồng)                       | 121.717.820.000 | 161.717.820.000 | 32,86%                      |
| Doanh thu thuần (đồng)                   | 444.245.797.754 | 550.000.000.000 | 23,81%                      |
| Lợi nhuận sau thuế (đồng)                | 93.012.125.657  | 113.850.000.000 | 22,4%                       |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 20,94%          | 20,7%           | -                           |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ     | 76,42%          | 70,40%          | -                           |
| Tỷ lệ cổ tức (theo mệnh giá)             | 8%              | 8%              | -                           |

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Ghi chú: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 của Công ty được xây dựng dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, đã được Hội đồng quản trị thông qua và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 dự kiến họp trước 30/6/2020. Hiện tại, Công ty chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2021.

Năm 2020, Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm 40 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho một số cá nhân để hoán đổi công nợ. Công ty sẽ thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về trình tự thực hiện, hồ sơ phát hành và việc thay đổi đăng ký kinh doanh.

### 12.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Để đạt được kế hoạch đề ra, Ban Lãnh đạo Công ty đã đặt các kế hoạch phát triển trong tương lai như sau:

- Hoàn thiện các văn bản, nội quy, quy chế, quy trình, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật và tăng cường quản lý các định mức để tiết giảm chi phí;

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và công tác nhân sự của công ty:

+ Nâng cao năng lực quản lý, sự điều hành nhất quán và sự gắn kết và phân công chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT với chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận Văn phòng Công ty. Tăng cường công tác PR nội bộ, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận tại Văn phòng Công ty với nhau và với các đơn vị trong hệ thống, để thực hiện tốt nhất những mục tiêu mà Công ty đã đặt ra.

+ Tiếp tục xây dựng hoàn thiện quy chế trả lương, trả thưởng dựa trên năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc;

+ Lựa chọn đội ngũ nhân sự có năng lực phù hợp với ngành nghề, quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Xây dựng chính sách để thu hút nhân lực có chất lượng cao như: rà soát lại bộ máy nhân sự, kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn, bố trí công việc phù hợp với khả năng của từng người; thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo chuyên môn.

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty: đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, ứng xử có văn hóa, phục vụ khách hàng tốt nhất để doanh nghiệp phát triển, bền vững;

- Huy động vốn đầu tư và nâng cấp một số trang thiết bị, phương tiện nhằm nâng cao năng lực kinh doanh;

- Tăng cường liên doanh, liên kết với các đối tác tiềm năng trong và ngoài nước để mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng và giao các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 tới từng đơn vị, bộ phận, các lĩnh vực theo hướng quản lý chặt chẽ theo định mức chi phí, đảm bảo hiệu quả của toàn Công ty được ổn định và bền vững. Tiếp tục củng cố hoạt động kinh doanh chính, chú trọng công tác cơ cấu sắp xếp các đơn vị chưa hiệu quả, phát triển tăng quy mô và địa bàn hoạt động;

#### **Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020:**

Thực tế kết quả kinh doanh Quý I/2020 phần nào đã khẳng định kế hoạch kinh doanh năm 2020 mà Công ty đặt ra là có khả năng hoàn thành. Cụ thể, Quý I/2020,



Doanh thu thuần của Công ty đạt hơn 136 tỷ đồng, hoàn thành 24,79% kế hoạch năm và Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 34 tỷ đồng, hoàn thành 30,28% kế hoạch năm đã đề ra.

**13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...).**

Hiện tại, Công ty không có các cam kết nhưng chưa thực hiện.

**14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

Để có được sức mạnh vượt qua những giai đoạn khó khăn, giữ được sự ổn định và phát triển bền vững, Ban Tổng Giám đốc công ty luôn thấm nhuần bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn quản lý gồm nội dung sau:

- Xây dựng chiến lược lâu dài trong công tác đầu tư đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới, đáp ứng yêu cầu khách hàng;
- Coi trọng công tác xây dựng kế hoạch, đào tạo trình độ cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên bằng nhiều hình thức, nhằm đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước trên thế giới;
- Xây dựng một tập thể đoàn kết, thống nhất; chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV.

**15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty**

Không có.

**II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị**

**1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

| TT | Họ và tên             | Chức vụ tại Công ty                            |
|----|-----------------------|--|
| 1  | Ông Lê Nam Thắng      | Chủ tịch HĐQT (TVHĐQT không điều hành)         |
| 2  | Ông Nguyễn Doãn Liêm  | Ủy viên HĐQT (TVHĐQT không điều hành)          |
| 3  | Ông Vũ Văn Hà         | Ủy viên HĐQT (TVHĐQT không điều hành)          |
| 4  | Ông Nguyễn Thanh Bình | Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc (TVHĐQT điều hành) |

**1.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị**

a. Ông Lê Nam Thắng – Chủ tịch HĐQT:

|  |   |   |
|--|---|---|
| - Số CMND  | : | 011663647 cấp ngày 15/11/2012 tại Công an thành phố Hà Nội                                    |
| - Giới tính                                      | : | Nam   |
| - Ngày tháng năm sinh                            | : | 07/02/1974  |
| - Quốc tịch                                      | : | Việt Nam  |
| - Dân tộc  | : | Kinh  |
| - Địa chỉ hiện tại                               | : | Phòng 2812 tòa B chung cư Thăng Long Number one, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội      |
| - Trình độ chuyên môn                            | : | Kỹ sư xây dựng  |
| - Quá trình công tác:                            |   |   |
| • Từ 2001 đến 2003                               |   | • Nhân viên Công ty TNHH Hữu Sinh   |
| • Từ 2003 đến 2004                               |   | • Phó Giám đốc Ban QLDA Công ty TNHH Hữu Sinh   |
| • Từ 2004 đến 10/2015                            |   | • Kỹ sư thường trú Viện Khoa học và Công nghệ GTVT  |
| • Từ 02/11/2015 đến 09/11/2017                   |   | • Phó Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội  |
| • Từ 10/11/2017 đến nay                          |   | • Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội   |
| - Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty          | : | Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội   |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác          | : | Không   |
| - Số lượng cổ phần sở hữu                        | : | - Sở hữu cá nhân: 1.125.566 cổ phần, chiếm 9,25% vốn điều lệ<br>- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan | : | Không   |
| - Hành vi vi phạm pháp luật                      | : | Không   |
| - Các khoản nợ đối với Công ty                   | : | Không   |
| - Thù lao và lợi ích khác nhận                   | : | Không   |

|                                     |         |
|-------------------------------------|---------|
| được từ Công ty                     |         |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty | : Không |

**b. Ông Nguyễn Doãn Liêm – Thành viên HĐQT:**

|  |  |
|--|--|
| - Số CMND  | : 011600497 cấp ngày 31/10/2013 tại Công an thành phố Hà Nội   |
| - Giới tính  | : Nam  |
| - Ngày tháng năm sinh  | : 19/05/1960   |
| - Quốc tịch  | : Việt Nam   |
| - Dân tộc  | : Kinh   |
| - Địa chỉ hiện tại   | : Số 48A, ngõ 134 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội   |
| - Trình độ chuyên môn  | : Dược sĩ đại học  |
| - Quá trình công tác:  |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 12/1983 đến 2/1986</li> <li>• Từ 3/1986 đến 4/1989</li> <li>• Từ 4/1989 đến 11/1998</li> <li>• Từ 11/1998 đến 12/2002</li> <li>• Từ 1/2003 đến 3/2004</li> <li>• Từ 4/2004 đến 11/2004</li> <li>• Từ 12/2004 đến 5/2005</li> <li>• Từ 16/5/2005 đến 7/2007</li> <li>• Từ 1/8/2007 đến 7/2010</li> <li>• Từ 7/2010 đến 12/2015</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lao động tại Vũ Trung – Kiến Xương – Thái Bình</li> <li>• Nhân viên kho Dược Công ty Dược phẩm Trung ương 1</li> <li>• Nhân viên bán hàng tại Công ty dược phẩm Trung ương 1</li> <li>• Trưởng Chi nhánh Công ty Dược phẩm Trung ương 1 tại TP. Hồ Chí Minh</li> <li>• Cửa hàng trưởng cửa hàng số 10 Công ty dược phẩm Trung ương 1</li> <li>• Phó phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu Công ty dược phẩm Trung ương 1</li> <li>• Trưởng phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu Công ty dược phẩm Trung ương 1</li> <li>• Phó Giám đốc kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kinh doanh XNK Công ty dược phẩm Trung ương 1</li> <li>• Giám đốc Công ty Dược phẩm Trung ương 1</li> <li>• Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH</li> </ul> |

|  |  |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 1/2016 đến nay</li> <li>• Từ 01/01/2014 đến 09/11/2017</li> <li>• Từ 10/11/2017 đến nay</li> </ul> | <p><i>MTV Dược phẩm Trung ương 1</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1</li> <li>• Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> <li>• Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> </ul> |
| - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  | : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội  |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác  | : Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1  |
| - Số lượng cổ phần sở hữu  | : - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ<br>- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần  |
| - Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan   | : Không  |
| - Hành vi vi phạm pháp luật  | : Không  |
| - Các khoản nợ đối với Công ty   | : Không  |
| - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty   | : Không  |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty  | : Không  |

**c. Ông Vũ Văn Hà – Thành viên HĐQT:**

|                       |  |
|-----------------------|--|
| - Số CMND             | : 012984164 cấp ngày 06/07/2007 tại Công an Hà Nội                     |
| - Giới tính           | : Nam  |
| - Ngày tháng năm sinh | : 15/01/1972   |
| - Quốc tịch           | : Việt Nam   |
| - Dân tộc             | : Kinh   |
| - Địa chỉ hiện tại    | : P1112-CT2-ĐN1 Khu đô thị mới Định Công, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội |

|   |   |  |
|---|---|--|
| - Trình độ chuyên môn   | : | Dược sĩ Đại học  |
| - Quá trình công tác:   |   |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 1995 đến 2000</li> <li>• Từ 2000 đến 2010</li> <li>• Từ 2010 đến 2013</li> <li>• Từ 05/8/2009 đến 30/9/2015</li> <li>• Từ 10/2015 đến nay</li> <li>• Từ 01/10/2015 đến nay</li> </ul> |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhân viên phòng Kho vận – Công ty CP Dược phẩm TW1</li> <li>• Phụ trách hiệu thuốc số 9 – Phòng Kinh doanh Công ty CP Dược phẩm TW 1</li> <li>• Chuyên viên phòng Kinh doanh – Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm TW 1</li> <li>• Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> <li>• Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Dược phẩm TW CPC1</li> <li>• Thành viên HĐQT Công ty Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> </ul> |
| - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty   | : | Thành viên HĐQT Công ty  |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác   | : | Phó trưởng phòng Kinh Doanh Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1   |
| - Số lượng cổ phần sở hữu   | : | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở hữu cá nhân: 52.000 cổ phần, tương ứng với 0,43% vốn điều lệ</li> <li>- Sở hữu đại diện cho Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1: 2.000.000 cổ phiếu, chiếm 16,43% vốn điều lệ</li> </ul>  |
| - Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan  | : | Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1 (Mối quan hệ: Phó Trưởng phòng kinh doanh, Đại diện sở hữu vốn cho CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội): 2.000.000 cổ phần, chiếm 16,43% vốn điều lệ   |
| - Hành vi vi phạm pháp luật   | : | Không  |
| - Các khoản nợ đối với Công ty  | : | Không  |
| - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty  | : | Không  |

|                                     |   |       |
|-------------------------------------|---|-------|
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không |
|-------------------------------------|---|-------|

**d. Nguyễn Thanh Bình – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc:**

|   |   |   |
|---|---|---|
| - Số Hộ chiếu   | : | B3379689 cấp ngày 14/8/2009 tại Cục quản lý Xuất nhập cảnh  |
| - Giới tính   | : | Nam   |
| - Ngày tháng năm sinh   | : | 30/09/1976  |
| - Quốc tịch   | : | Việt Nam  |
| - Dân tộc   | : | Kinh  |
| - Địa chỉ hiện tại  | : | Số 4, BT4, X2, Linh Đàm, Hà Nội   |
| - Trình độ chuyên môn   | : | Dược sĩ Đại học   |
| - Quá trình công tác:   |   |   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 2000 đến 9/2015</li> <li>• Từ 01/10/2015 đến 19/5/2019</li> <li>• Từ 20/5/2019 đến nay</li> </ul> |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Dược phẩm TW CPC1</li> <li>• Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> <li>• Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> </ul> |
| - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty   | : | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội  |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác   | : | Không   |
| - Số lượng cổ phần sở hữu   | : | - Sở hữu cá nhân: 2.294.000 cổ phần, tương ứng với 18,85% vốn điều lệ<br>- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu  |
| - Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan  | : | Không   |
| - Hành vi vi phạm pháp luật   | : | Không   |
| - Các khoản nợ đối với Công ty  | : | Không   |
| - Thù lao và lợi ích khác nhận  | : | Không   |

|                                     |         |
|-------------------------------------|---------|
| được từ Công ty                     |         |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty | : Không |

**2. Ban kiểm soát**

**2.1. Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

| STT | Họ và tên               | Chức vụ tại Công ty  |
|-----|-------------------------|----------------------|
| 1   | Bà Trần Thụy Khanh      | Trưởng ban kiểm soát |
| 2   | Bà Trần Thị Phương Thảo | Kiểm soát viên       |
| 3   | Bà Trương Thị Huệ       | Kiểm soát viên       |

**2.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát**

**a. Bà Trần Thụy Khanh – Trưởng Ban Kiểm soát:**

|  |   |
|--|---|
| - Số CMND  | : 010358493 cấp ngày 01/06/2006 tại Công an Hà Nội  |
| - Giới tính  | : Nữ  |
| - Ngày tháng năm sinh  | : 31/08/1959  |
| - Quốc tịch  | : Việt Nam  |
| - Dân tộc  | : Kinh  |
| - Địa chỉ hiện tại   | : Số 8 ngõ 91 Nguyễn Văn Trỗi, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội  |
| - Trình độ chuyên môn  | : Cử nhân kế toán   |
| - Quá trình công tác:  |   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 1980 đến 1982</li> <li>• Từ 1983 đến 1997</li> <li>• Từ 1988 đến 2000</li> <li>• Từ 2001 đến 2005</li> <li>• Từ 2005 đến 2014</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kế toán Trường PTTH Lý Tự Trọng – (thuộc Sở GD Hà Nội)</li> <li>• Kế toán Công ty Dược phẩm TW CPC1</li> <li>• Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty Dược phẩm TW CPC1</li> <li>• Trưởng phòng Kế toán Công ty Dược phẩm TW CPC1</li> <li>• Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW 1</li> </ul> |

|   |  |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 20/01/2016 đến nay</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> </ul>  |
| - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty                                   | : Trưởng Ban Kiểm soát   |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác                                   | : Không  |
| - Số lượng cổ phần sở hữu   | : - Sở hữu cá nhân: 70.000 cổ phần, tương ứng với 0,58% vốn điều lệ<br>- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan                          | : Không  |
| - Hành vi vi phạm pháp luật   | : Không  |
| - Các khoản nợ đối với Công ty  | : Không  |
| - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty                            | : Không  |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty                                       | : Không  |

**b. Bà Trương Thị Huệ - Thành viên Ban Kiểm soát:**

|                       |   |
|-----------------------|---|
| - Số CCCD             | : 038178004546 cấp ngày 19/10/2017 tại Cục CS đăng ký QL cư trú và DLQG về Dân cư |
| - Giới tính           | : Nữ  |
| - Ngày tháng năm sinh | : 03/04/1978  |
| - Quốc tịch           | : Việt Nam  |
| - Dân tộc             | : Kinh  |
| - Địa chỉ hiện tại    | : Số 2 ngách 87/10/10 đường Yên Xá, xã Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội               |



|   |  |
|---|--|
| - Trình độ chuyên môn   | : Cử nhân kế toán  |
| - Quá trình công tác:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 2000 đến 2001</li> <li>• Từ 2001 đến 2002</li> <li>• Từ 2002 đến 2006</li> <li>• Từ 2007 đến 2012</li> <li>• Từ 2012 đến nay</li> <li>• Từ 20/01/2016 đến nay</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kế toán-Công ty TNHH Thương mại xây dựng Sơn Việt</li> <li>• Kế toán-Công ty TNHH Vàng bạc đá quý Huy Thành</li> <li>• Thư ký phòng Kinh doanh-Công ty TNHH IC Việt Nam - CN TP.HCM</li> <li>• Trưởng Ban Kế toán-Công ty CP Dược phẩm TW CPC1-CN TP. HCM</li> <li>• Kế toán Công ty CP Dược phẩm TƯ CPC1</li> <li>• Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> </ul> |
| - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty   | : Thành viên Ban kiểm soát   |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác   | : Kế toán Công ty CP Dược phẩm TW CPC1   |
| - Số lượng cổ phần sở hữu   | : - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần<br>- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu   |
| - Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan  | : Không  |
| - Hành vi vi phạm pháp luật   | : Không  |
| - Các khoản nợ đối với Công ty  | : Không  |
| - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty  | : Không  |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty   | : Không  |

**c. Bà Trần Thị Phương Thảo – Thành viên Ban Kiểm soát:**

|           |  |
|-----------|--|
| - Số CCCD | : 036189006981 cấp ngày 18/6/2019 tại Cục CS đăng ký QL cư trú và DLQG về Dân cư |
|-----------|--|

|  |   |  |
|--|---|--|
| - Giới tính  | : | Nữ   |
| - Ngày tháng năm sinh  | : | 04/08/1989   |
| - Quốc tịch  | : | Việt Nam   |
| - Dân tộc  | : | Kinh   |
| - Địa chỉ hiện tại   | : | Ngách 11/48, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội   |
| - Trình độ chuyên môn  | : | Dược sĩ Đại học  |
| - Quá trình công tác:  |   |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 11/2012 đến 2013</li> <li>• Từ 1/2014 đến 2015</li> <li>• Từ 2016 đến 30/9/2018</li> <li>• Từ 01/10/2018 đến nay</li> <li>• Từ 13/2/2020 đến nay</li> <li>• Từ 20/01/2016 đến nay</li> </ul> |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuyên viên nghiên cứu phát triển – P. Kinh doanh Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW1</li> <li>• Nhân viên Xưởng sản xuất CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> <li>• Phó quản đốc Xưởng sản xuất CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> <li>• Trưởng phòng thầu – công nợ CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội.</li> <li>• Trưởng phòng kế hoạch kiêm Trưởng phòng Thâu-công nợ CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> <li>• Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> </ul> |
| - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  | : | Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng kế hoạch, Trưởng phòng thầu - công nợ   |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác  | : | Không  |
| - Số lượng cổ phần sở hữu  | : | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần, tương ứng với 0,10% vốn điều lệ</li> <li>- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu</li> </ul>   |

|  |   |       |
|--|---|-------|
| - Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan | : | Không |
| - Hành vi vi phạm pháp luật                      | : | Không |
| - Các khoản nợ đối với Công ty                   | : | Không |
| - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty   | : | Không |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty              | : | Không |

### 3. Ban Tổng Giám đốc

#### 3.1. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

| STT | Họ và tên             | Chức vụ tại Công ty                         |
|-----|-----------------------|---|
| 1   | Ông Nguyễn Thanh Bình | Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị |
| 2   | Ông Trần Minh Thanh   | Phó Tổng Giám đốc                           |
| 3   | Bà Đặng Thị Thu Thủy  | Kế toán trưởng                              |

#### 3.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

a. Ông Nguyễn Thanh Bình – Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT: *như đã nêu tại điểm d, phần 1.2, mục II*

b. Ông Trần Minh Thanh – Phó Tổng Giám đốc:

|                       |   |  |
|-----------------------|---|--|
| - Số CMND             | : | 011501727 cấp ngày 08/03/2012 tại Công an thành phố Hà Nội |
| - Giới tính           | : | Nam  |
| - Ngày tháng năm sinh | : | 19/02/1966   |
| - Quốc tịch           | : | Việt Nam   |
| - Dân tộc             | : | Kinh   |
| - Địa chỉ hiện tại    | : | P756, H14 phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội       |

|   |   |
|---|---|
| - Trình độ chuyên môn   | : Kỹ sư chế tạo máy   |
| - Quá trình công tác:   |   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 1991 đến 1994</li> <li>• Từ 1994 đến 2005</li> <li>• Từ 2005 đến 2011</li> <li>• Từ 2011 đến 2012</li> <li>• Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013</li> <li>• Từ 01/4/2013 đến 09/11/2017</li> <li>• Từ 10/11/2017 đến 19/5/2019</li> <li>• Từ 20/5/2019 đến nay</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cán bộ kỹ thuật – Nhà máy Pin Hà Nội</li> <li>• Tổ trưởng sản xuất – Nhà máy bia Đông Nam Á</li> <li>• Quản đốc phân xưởng Nhà máy bia Đông Nam Á</li> <li>• Phó Giám đốc Công ty VLXD và thiết bị Hancorp</li> <li>• Nhân viên kỹ thuật cơ điện Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> <li>• Trưởng phòng Cơ điện Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> <li>• Phó Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> <li>• Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> </ul> |
| - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty   | : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội   |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác   | : Không   |
| - Số lượng cổ phần sở hữu   | : - Sở hữu cá nhân: 9.000 cổ phần, tương ứng với 0,07% vốn điều lệ<br>- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu   |
| - Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan  | : Không   |
| - Hành vi vi phạm pháp luật   | : Không   |
| - Các khoản nợ đối với Công ty  | : Không   |
| - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty  | : Không   |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty   | : Không   |

## c. Bà Đặng Thị Thu Thủy – Kế toán trưởng:

|   |   |   |
|---|---|---|
| - Số CMND   | : | 013215985 cấp ngày 03/08/2009 tại Công an thành phố Hà Nội  |
| - Giới tính   | : | Nữ  |
| - Ngày tháng năm sinh   | : | 11/02/1984  |
| - Quốc tịch   | : | Việt Nam  |
| - Dân tộc   | : | Kinh  |
| - Địa chỉ hiện tại  | : | Phòng 905, D1, CT2, Tây Nam Linh Đàm, Hà Nội  |
| - Trình độ chuyên môn   | : | Cử nhân Kinh tế   |
| - Quá trình công tác:   |   |   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 2007 đến 2009</li> <li>• Từ 2009 đến 2010</li> <li>• Từ 2010 đến 3/2011</li> <li>• Từ 4/2011 đến 9/2013</li> <li>• Từ 01/10/2013 đến 30/06/2018</li> <li>• Từ 01/07/2018 đến nay</li> </ul> |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kế toán Công ty Cp Nông dược Nhật Việt</li> <li>• Kế toán Công ty TNHH TMXD và VT Nam Tiến</li> <li>• Kế toán kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Gia Việt Nam</li> <li>• Kế toán Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW CPC1</li> <li>• Phụ trách phòng Tài chính kế toán Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> <li>• Kế toán trưởng CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội</li> </ul> |
| - Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty   | : | Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội  |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác   | : | Không   |
| - Số lượng cổ phần sở hữu   | : | - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, tương ứng với 0,08% vốn điều lệ<br>- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu  |
| - Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan  | : | Không   |
| - Hành vi vi phạm pháp luật   | : | Không   |

|  |   |       |
|--|---|-------|
| - Các khoản nợ đối với Công ty                 | : | Không |
| - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty | : | Không |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty            | : | Không |

#### 4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty tuân thủ quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật, luôn chú trọng việc nâng cao công tác quản trị; tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ làm cơ sở pháp lý cho công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với quy định áp dụng với Công ty đại chúng. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục nghiên cứu và thực hiện các giải pháp hiệu quả cho công tác quản trị; Triển khai thực hiện phương án tái cơ cấu tinh gọn, kiện toàn bộ máy quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Thường xuyên cập nhật các quy định, chủ trương, chính sách của Nhà nước để vận dụng triển khai thực hiện tại công ty; Thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Luật Doanh nghiệp 2014 có quy định:

- Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty (Khoản 4 Điều 20 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP). Hiện tại Trưởng ban kiểm soát của Công ty chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu này.

- Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng có ít hơn 05 người, công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập (Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP). Hiện tại Công ty chưa có thành viên HĐQT độc lập.

Vì vậy, Công ty cam kết sẽ bổ sung và kiện toàn nhân sự đủ điều kiện theo quy định trong thời gian tới.

### III. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần.
2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.
3. Báo cáo tài chính Quý 1/2020.

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2020

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI**



*Handwritten signature*  
CHỦ TỊCH HĐQT  
*Lê Nam Hằng*



1900

